

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn
Lần 2 đối với Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh năm 2016**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế
tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ
Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh; Tờ trình số 978/TTr-BV ngày 06/9/2016 của Bệnh viện
Đa khoa khu vực Long Khánh về việc xin phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật
chuyên môn lần 2, năm 2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh (địa chỉ: Số 911
Đường 21/4, Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai) được
bổ sung thêm 276 kỹ thuật chuyên môn đúng tuyến và 72 kỹ thuật vượt tuyến (danh
mục kèm theo) theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013
của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ
thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2: Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh thực hiện đúng phạm vi hoạt
động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo
đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà : Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 971 /TTr-BV

Long Khánh, ngày 06 tháng 9 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt một số kỹ thuật
trong khám chữa bệnh tại Bệnh viện

Để đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho bệnh nhân và có cơ sở thanh toán cho người bệnh có Bảo hiểm y tế và người bệnh không có BHYT, Bệnh viện ĐKKV Long Khánh kính đề nghị Sở Y tế Đồng Nai thẩm định và phê duyệt cho Bệnh viện được phép thực hiện một số kỹ thuật (có phụ lục đính kèm).

Bệnh viện ĐKKV Long Khánh kính trình Giám đốc Sở Y tế xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Phòng Nghiệp Vụ Y - SYT;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Sử Sơn

Số: 967 /BB-BV

Long Khánh, ngày 05 tháng 9 năm 2016

BIÊN BẢN

Về việc thông qua Danh mục kỹ thuật Bệnh viện ĐKKV Long Khánh đề nghị phê duyệt bổ sung năm 2016
(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11.12.2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Thời gian: 13 giờ 30 phút, ngày 05.9.2016
Thành phần:

- Chủ tọa: BS. Sử Sơn
- Thư ký: BS. Lương Thị Bình
- Thành phần khác:

1. BS. Phan Văn Huyền
2. BS. Đoàn Thị Minh Thúy
3. BS. Vương Bình Tây
4. BS. Nguyễn Văn Thạch
5. BS. Phan Văn Phong
6. BS. Nguyễn Văn Khánh
7. BS. Cao Nguyễn Trường Hải
8. BS. Vĩnh Hưng
9. BS. Đoàn Huỳnh Tuấn Tú
10. BS. Nguyễn Văn Diễn
11. BS. Ngô Quang Thiện
12. BS. Nguyễn Hữu Phước
13. BS. Lê Thị Thao
14. DS. Lê Thị Diệu Phong
15. DS. Hồ Văn Thúc
16. BS. Mã Anh
17. DS. Kiều Kim Loan
18. CN. Huỳnh Thị Kim Phụng
19. DS. Lưu Thị Bích Phượng

Giám đốc

Phó giám đốc

Phó giám đốc

Phó phòng KHTH

Trưởng khoa HSTC, CĐ

Trưởng khoa Nội

Phó trưởng khoa Ngoại

Phó trưởng khoa Liên chuyên khoa

Trưởng khoa PT-GMHS

Trưởng khoa Sản

Phó trưởng khoa Nhi

Trưởng khoa khám bệnh

Trưởng khoa YHCT

Trưởng khoa VLTl-PHCN

Trưởng khoa Dinh dưỡng

Trưởng khoa Dược

Trưởng khoa Xét nghiệm

Trưởng khoa CĐHA

Trưởng khoa KSNK

Trưởng phòng Điều dưỡng

Trưởng phòng VTTBYT

Chủ tịch Hội đồng

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thông nhất thông qua Danh mục kỹ thuật Bệnh viện ĐKKV Long Khánh đề nghị phê duyệt bổ sung năm 2016 (có phụ lục đính kèm).

THƯ KÝ



BS Lương Thị Bình

SỬ SƠN

Phụ lục 1

**DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TRUNG ƯƠNG PHÊ DUYỆT BỔ SUNG
NĂM 2016 THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT NGÀY 11.12.2013**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 463./ QĐ-SYT, ngày 3 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn)

STT BV	STT DMKT TT 43	Tên kỹ thuật	A	B	C	D	Thực hiện
	III.	NHI KHOA					
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP					
		C. THANH- PHẪ QUẢN					
1.	1004	Nội soi phế quản ống mềm cắt đốt trong lòng phế quản bằng điện đông cao tần	x				x
		V3. BỎNG					
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BỎNG					
2.	1479	Ghép da tự thân kiểu mảnh siêu nhỏ (micro skin graft), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x				x
3.	1480	Ghép da tự thân kiểu mảnh siêu nhỏ (micro skin graft), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x				x
		XI. TAI MŨI HỌNG					
		A. TAI					
4.	2078	Cấy điện cực ốc tai	x				x
5.	2079	Phẫu thuật tạo hình tái tạo lại hệ thống truyền âm	x				x
6.	2080	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây V2	x				x
7.	2081	Phẫu thuật giảm áp dây thần kinh V2	x				x
8.	2082	Thay thế xương bàn đạp	x				x
9.	2083	Khoét mê nhĩ	x				x
10.	2087	Phẫu thuật tạo hình tai giữa, tai ngoài do dị tật bẩm sinh	x				x
11.	2088	Phẫu thuật cắt dây thần kinh tiền đình	x				x
12.	2091	Phẫu thuật tai trong/u dây thần kinh V2/u dây thần kinh V3	x				x
13.	2092	Phẫu thuật đinh xương đá	x				x
14.	2093	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	x				x
		XIX. NGOẠI KHOA					
		E. CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH					
		6. Khớp gối	x				x

15.	3745	Tái tạo dây chằng trước khớp gối	x				x
16.	3746	Tạo hình dây chằng chéo khớp gối	x				x
		11. Các kỹ thuật khác					
17.	3880	Bắt vít qua khớp	x				x
	X.	X. NGOẠI KHOA					
		D. TIÊU HÓA					
		3. tá tràng					
18.	499	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên	x				x
19.	500	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên	x				x
20.	538	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường bụng	x				x
		G. CHÂN THƯƠNG- CHỈNH HÌNH					
		2. Vùng cánh tay					
21.	724	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay	x				x
		3. Vùng cẳng tay					
22.	744	Phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay	x				x
23.	748	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn – ngón tay	x				x
		5. Vùng chấu					
24.	754	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x				x
25.	758	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp	x				x
		6. Vùng đùi					
26.	760	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật háng	x				x
		8. Vùng cẳng chân					
27.	783	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân	x				x
		9. Vùng gót chân-bàn chân					
28.	787	Phẫu thuật KHX gãy trật xương sên	x				x
29.	788	Phẫu thuật KHX gãy xương gót	x				x
30.	789	Phẫu thuật KHX gãy trật xương gót	x				x
		12. Vùng cổ tay-bàn tay					
31.	830	Phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x				x
32.	841	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì	x				x
33.	849	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay	x				x

		13. Vùng cổ chân-bàn chân					
34.	872	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên	x				x
35.	873	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	x				x
		14.Chấn thương thể thao và chỉnh hình					
36.	883	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	x				x
37.	884	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	x				x
38.	888	Chuyển gân điều trị liệt đám rối thần kinh cánh tay	x				x
39.	889	Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mác chung	x				x
40.	894	Ghép xương có cuống mạch nuôi	x				x
41.	895	Chuyển vật cân cơ cánh tay trước	x				x
42.	901	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay	x				x
43.	903	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối	x				x
		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em					
44.	908	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	x				x
45.	922	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân	x				x
46.	923	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x				x
47.	926	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương	x				x
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác					
?	48.	927	Phẫu thuật thay khớp gối bán phần	x			x
	49.	928	Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương	x			x
	50.	936	Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền	x			x
	51.	938	Phẫu thuật làm vận động khớp gối	x			x
	52.	941	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim K.Wire)	x			x
	53.	945	Phẫu thuật xơ cứng phức tạp	x			x
	54.	950	Phẫu thuật làm cứng khớp gối	x			x
	55.	951	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối	x			x
	56.	967	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	x			x

	XI.	BÔNG					
57.	17	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x				x
58.	32	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x				x
59.	35	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x				x
60.	37	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em					
61.	39	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x				x
62.	43	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x				x
63.	45	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x				x
64.	62	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolfskrause $<1\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng	x				x
65.	70	Phẫu thuật chuyển vạt da phức tạp có nối mạch vi phẫu điều trị bỏng sâu	x				x
	XXIII.	HÓA SINH					
66.	62	Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)	x				x
67.	123	Định lượng PAPP-A	x				x
	XXVI.	VI PHẪU					
68.	34	Chuyển vạt xương có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	x				x
69.	35	Chuyển vạt cơ có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	x				x
70.	46	Chuyển vạt phức hợp (da, cơ, xương, thần kinh...) có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	x				x
71.	47	Tạo hình dương vật bằng vi phẫu thuật	x				x
	XXVII.	PHẪU THUẬT NỘI SOI					
72.	146	Phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày (Intraluminal Lap Surgery)	x				x

Tổng cộng : 72 kỹ thuật

DUYỆT GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ



Sử Sơn

Phụ lục 2

DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TỈNH PHÊ DUYỆT BỔ SUNG NĂM 2016 THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT NGÀY 11.12.2013

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1467/QĐ-SYT, ngày 3 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn)

Số TTBV	STT DMKT TT 43	Tên kỹ thuật	A	B	C	D	Thực hiện
	III	NHI KHOA					
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP					
		B. TAI - MŨI - HỌNG					
1.	992	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxeo (1 bên)	x	x			x
2.	993	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxeo (1 bên)	x	x			x
3.	995	Nội soi thanh quản treo cắt hạt xơ	x	x			x
4.	996	Nội soi thanh quản cắt papiloma	x	x			x
5.	997	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	x	x			x
6.	998	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết	x	x			x
7.	1000	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần	x	x			x
		V3. BỎNG					
8.		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BỎNG					
9.	1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x	x		
		X. RĂNG HÀM MẬT					
		A. RĂNG					
10.	1726	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x			x
11.	1727	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x			x
12.	1728	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x			x
13.	1729	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x			x
14.	1730	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x			x
15.	1835	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser	x	x			x

16.	1836	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) kết hợp Composite	x	x			x
17.	1838	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser	x	x			x
18.	1839	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) có sử dụng Laser	x	x			x
19.	1840	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC) có sử dụng Laser	x	x			x
20.	1841	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser	x	x			x
21.	1846	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x			x
22.	1848	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy	x	x			x
23.	1849	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay	x	x			x
24.	1850	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay máy	x	x			x
25.	1853	Điều trị tủy lại	x	x			x
26.	1858	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x			x
27.	1859	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay	x	x			x
28.	1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x		x
29.	1920	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x		x
30.	1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x		x
31.	1930	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)	x	x	x		x
32.	1931	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x		x
33.	1938	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement (GiC) quang trùng hợp	x	x	x		x
34.	1939	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp	x	x	x		x
35.	1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x		x
36.	1942	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x		x
37.	1944	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x		x
38.	1949	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x		x
39.	1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x	x

40.	1953	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)	x	x	x	x	x
41.	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	x	x	x	x	x
42.	1955	Nhổ răng sữa	x	x	x	x	x
43.	1956	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x	x
44.	1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	x	x	x	x	x
45.	1970	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	x	x	x	x	x
46.	1971	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x	x
47.	1972	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	x	x	x	x	x
48.	1976	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x			x
49.	1981	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 2 bằng chỉ thép	x	x			x
50.	1982	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 2 bằng nẹp vít hợp kim	x	x			x
51.	1983	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 2 bằng nẹp vít tự tiêu	x	x			x
52.	1984	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 3 bằng chỉ thép	x	x			x
53.	1985	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 3 bằng nẹp vít hợp kim	x	x			x
54.	1986	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 3 bằng nẹp vít tự tiêu	x	x			x
55.	1997	Phẫu thuật mở xương 2 hàm	x	x			x
56.	2018	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít	x	x			x
57.	2020	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x			x
58.	2021	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x			x
59.	2026	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x			x
60.	2028	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x			x
61.	2029	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x			x
62.	2030	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x			x
63.	2032	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 1 bằng chỉ thép	x	x			x

64.	2033	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	x	x			x
65.	2034	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	x	x			x
66.	2043	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	x	x			x
67.	2044	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x			x
68.	2059	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	x	x			x
69.	2064	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x			x
70.	2067	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	x	x			x
71.	2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x		x
		XI. TAI MŨI HỌNG					
		A. TAI					
72.	2100	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	x	x			x
73.	2101	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	x	x			x
74.	2102	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	x	x			x
75.	2103	Phẫu thuật sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ	x	x			x
76.	2104	Vá nhĩ đơn thuần	x	x			x
77.	2107	Thủ thuật nong vòi nhĩ	x	x			x
78.	2111	Phẫu thuật tái tạo hệ thống truyền âm	x	x			x
79.	2112	Chỉnh hình tai giữa	x	x			x
80.	2113	Phẫu thuật áp xe não do tai	x	x			x
81.	2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x		x
82.	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x		x
83.	2120	Làm thuốc tai	x	x	x		x
84.	2121	Chích rạch màng nhĩ	x	x			x
		B. MŨI XOANG					
85.	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	x	x	x	x	x
86.	2190	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x	x
		C. HỌNG – THANH QUẢN					
87.	2156	Phẫu thuật nối khí quản tận-tận trong sẹo hẹp thanh khí quản	x	x			x
88.	2175	Chích áp xe thành sau họng	x	x	x		x
89.	2183	Đốt lạnh họng hạt	x	x	x		x
		D. CỔ - MẶT					
90.	2197	Phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	x	x			x
91.	2240	Phẫu thuật nạo VA gây mê	x	x	x		x
92.	2241	Cắt Amidan bằng coblator	x	x	x		x

		XV. UNG BUỒU- NHI					
		C. HÀM – MẶT					
93.	2508	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	x	x			x
94.	2513	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	x	x			x
95.	2515	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	x	x			x
96.	2522	Cắt nang vùng sàn miệng	x	x			x
97.	2532	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x			x
98.	2533	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	x	x			x
99.	2534	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm	x	x	x		x
100.	2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x
101.	2536	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x	x		x
102.	2537	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	x	x	x		x
		XIX. NGOẠI KHOA					
		B. TIM MẠCH-LỒNG NGỰC					
103.	3247	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	x	x			x
		C. TIÊU HÓA-BỤNG					
		5. Bẹn-bụng					
104.	3404	Khâu lại da thì 2 sau nhiễm khuẩn	x	x	x		x
		D. GAN-MẬT-LÁCH-TỤY					
		3. Lách-tụy					
x 105.	3463	Cắt lách toàn bộ do chấn thương	x	x			x
		Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC					
		5. Sinh dục					
106.	3587	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	x	x			x
		E. CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH					
107.	3646	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	x	x			
108.	3648	Tháo khớp vai	x	x			
109.	3666	Phẫu thuật cứng đuối khớp khuỷu	x	x			
110.	3667	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	x	x			
111.	3671	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	x	x			
112.	3672	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	x	x			
113.	3730	Phẫu thuật trật khớp háng	x	x			
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI					
		D. BỤNG-TIÊU HÓA					
114.	4071	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x			x
115.	4075	Phẫu thuật nội soi lỗ thủng ruột do bệnh lý hoặc do vết thương bụng	x	x			x
116.	4079	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x			x

	II	NỘI KHOA					
		D.THẬN TIẾT NIỆU					
117.	206	Lọc màng bụng liên tục 24h bằng máy	x	x			x
	X.	X.NGOẠI KHOA					
		C.TIẾT NIỆU-SINH DỤC					
		1.Thận					
118.	315	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần	x	x			x
119.	319	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x	x	x		x
		2. niệu quản					
120.	326	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x			x
121.	335	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	x	x			x
		5. Sinh dục					
122.	401	Cắt dương vật không vết hạch, cắt một nửa dương vật	x	x			
		D.TIÊU HÓA					
		3. tá tràng					
123.	505	Các phẫu thuật tá tràng khác	x	x			x
		7.Tăng sinh môn					
124.	553	Phẫu thuật longo kết hợp với khâu treo trĩ	x	x			x
		Đ.GAN-MẬT-TỤY					
		3.Tụy					
125.	672	Các phẫu thuật tụy khác	x	x			x
126.	678	Các phẫu thuật lách khác	x	x			x
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC					
		1. Thành bụng - cơ hoành					
127.	681	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x		x
		G. CHIẾN THUƠNG – CHỈNH HÌNH					
		1. Vùng vai-xương đòn					
128.	716	Phẫu thuật tháo khớp vai	x	x			
129.	717	Phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai	x	x			
130.	718	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x			x
131.	721	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x			x
132.	722	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x			x
		3. Vùng cẳng tay					
133.	735	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x			x

134.	738	Phẫu thuật KHX gãy dài quay phức tạp	x	x			x
135.	741	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu	x	x			x
		5. Vùng chậu					
136.	757	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x			x
		6. Vùng đùi					
137.	759	Phẫu thuật KHX gãy bán phần chỏm xương đùi	x	x			x
138.	764	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi	x	x			x
		12. Vùng cổ tay-bàn tay					
139.	835	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa	x	x			x
140.	836	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ	x	x			x
141.	837	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay	x	x			x
142.	838	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh giữa và thần kinh trụ	x	x			x
143.	845	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	x	x			x
144.	846	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	x	x			x
		13. Vùng cổ chân-bàn chân					
145.	871	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	x	x			x
		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình					
9 146.	892	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khoèo theo phương pháp PONESETI	x	x			x
9		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em					
147.	911	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x			x
148.	912	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x			x
149.	914	Phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x			x
150.	916	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	x	x			x
151.	921	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x			x
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác					

245.	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x	x
246.	223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	x	x		x
247.	235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x		x
248.	252	Nội soi phế quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x			x
	XVI.	XVI. RĂNG HÀM MẶT					
		B.HÀM MẶT					
249.		Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt	x	x			x
	333						
	XVII.	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG					
250.	7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x		x
251.	19	Điều trị bằng bồn xoay hoặc bể sục	x	x			
252.	22	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	x	x	x		x
253.	58	Tập vận động trên bóng	x	x	x		x
254.	72	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x	x
255.	86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x		x
256.	102	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x	x
257.	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	x	x	x	x	x
	XX.	NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP					
		H. PHỤ SẢN					
258.	103	Nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x			x
	XXI.	THĂM DÒ CHỨC NĂNG					
259.	60	Đo thính lực đơn âm	x	x			x
260.	65	Đo phản xạ cơ bàn đạp	x	x			x
	XXIII.	XXIII. HÓA SINH					
261.	72	Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat dehydrogenase)	x	x			x
262.	134	Định lượng Progesteron	x	x			x
	XXVI.	VI PHẪU					
263.	41	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 4 ngón tay bị cắt rời	x	x			x
264.	42	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 3 ngón tay bị cắt rời	x	x			x

		PHẪU THUẬT NỘI SOI					
	XXVII.						
		D.BỤNG-TIÊU HÓA					
		3. Tá tràng					
265.	167	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x			x
		4. Ruột non					
266.	181	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	x			x
267.	185	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	x	x			x
		16. Các phẫu thuật nội soi khác					
268.	330	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	x	x			x
		Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC					
		3. bàng quang					
269.	390	Nội soi gấp sỏi bàng quang	x	x			x
270.	391	Nội soi bàng quang tán sỏi	x	x			x
	XXVIII.	PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ					
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU MẶT CỔ					
		6. Vùng hàm mặt cổ					
271.	168	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má và ống tuyến nước bọt	x	x			x
		D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY					
272.	338	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x		x
273.	339	Phẫu thuật ghép gân gấp có sử dụng vi phẫu thuật	x	x			x
274.	344	Gỡ dính thần kinh	x	x			x
275.	374	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 4 ngón tay bị cắt rời	x	x			x
276.	375	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 3 ngón tay bị cắt rời	x	x			x

Tổng cộng : 276 kỹ thuật

DUYỆT GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ



Sử Sơn

